



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
IRATHANE CR 94**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

Tên sản phẩm IRATHANE CR 94

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

Mục đích sử dụng đã được xác định Waterproofing compound

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy hại về môi trường Không xếp loại

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Nguy hiểm

**Câu cảnh báo nguy cơ**

H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

## IRATHANE CR 94

<b>Câu phòng ngừa</b>	<p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P302+P352 <b>NẾU DÍNH VÀO DA:</b> Rửa sạch với nhiều nước.</p> <p>P304+P340 <b>NẾU HÍT PHẢI:</b> Đưa người ra chỗ thoáng khí và để thở.</p> <p>P305+P351+P338 <b>NẾU DÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p>
-----------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Bao gồm** CEMENT

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### **PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**

#### **Hỗn hợp**

<b>CEMENT</b>	<b>30-60%</b>
Số CAS: 65997-15-1	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### **PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**

#### **Mô tả các biện pháp sơ cứu**

<b>Thông tin chung</b>	Tránh hít phải bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Tìm hỗ trợ y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

#### **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------

#### **Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết**

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### **Cách chữa cháy**

## IRATHANE CR 94

**Cách chữa cháy phù hợp** Sản phẩm không dễ cháy. Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp cho đám cháy xung quanh.

### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Sản phẩm không dễ cháy.

### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Không có biện pháp phòng ngừa chữa cháy cụ thể nào được biết.

## PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp nếu hệ thống thông gió kém. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Tránh xả thải ra ống thoát nước hoặc kênh rạch hoặc mặt đất. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Dán nhãn thùng chứa chất thải và các chất liệu nhiễm hóa chất và đưa ra khỏi khu vực càng sớm càng tốt. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước.

### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

## PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh hít phải bụi và tiếp xúc với da và mắt. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

### Quản lý phơi nhiễm

## IRATHANE CR 94

### Thiết bị bảo hộ



#### Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

#### Bảo hộ mắt/mặt

Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

#### Bảo hộ tay

Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

#### Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

#### Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

#### Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Bột mịn.
Màu sắc	Xám.
Mùi đặc trưng	Không có mùi đặc trưng.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): 11-13.5 @ 20 °C
Điểm nóng chảy	N/A°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	Not applicable°C @
Điểm chớp cháy	N/A°C
Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ	Giới hạn cháy/nổ dưới: N/A
Tính tan	<1.5g/l
Thông tin khác	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Không có phản ứng nguy hại nào được biết đến của sản phẩm này.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.

## IRATHANE CR 94

<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Nước, hơi nước.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Không có chất liệu hoặc nhóm chất liệu nào cụ thể nào có khả năng phản ứng với sản phẩm này gây ra tình huống nguy hại.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

<b>Sự hít phải</b>	Bụi có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Tránh phát thải ra môi trường.
<b>Độc tính</b>	Không được cho là gây độc cho cá.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

<b>Chung</b>	Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).
--------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

#### Số UN

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

## IRATHANE CR 94

### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

### Nhóm đóng gói

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

### Các nguy hại về môi trường

#### **Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

**Vận chuyển số lượng lớn theo** Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

**Phụ lục II của MARPOL 73/78**

**và mã IBC**

### **PHẦN 15: Thông tin luật định**

### **PHẦN 16: Thông tin khác**

**Ngày sửa đổi** 04/04/2018

**Sửa đổi** 6

**Ngày thay thế** 04/05/2016

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.